

Bản án số: 269/2019/HS-PT

Ngày: 10-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Quách Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo N T P, do có kháng cáo của bị cáo P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2143/2019/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019;

- Bị cáo có kháng cáo: N T P; Sinh ngày 19/7/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 183/124/8G đường Bến Vân Đồn, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số 4/15 ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Họ và tên cha: N T P, họ và tên mẹ: H B P; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- Người bị hại: N N H, sinh năm 1997; Địa chỉ: 656/68/53 Quang Trung, Phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông N T P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 4/15 ấp 2, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà N T L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 4/15 ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. N K K F; Sinh ngày 21/01/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B3/28M ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B3/28M ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N T P:* Ông N T P, sinh năm 1981, (cha ruột của bị cáo); Địa chỉ: Số 4/15 ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo N T P:* Ông N T L- Luật sư Công ty TNHH MTV K M, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua mạng xã hội Facebook N K K D biết anh N N H đăng tin rao bán 03 con chim Ưng (chim Cắt) với giá 4.000.000 đồng. D nhắn tin qua điện thoại với N T P là anh H đăng tin bán 03 con chim Ưng, nên P và D nói với nhau sẽ hỏi mua 03 con chim Ưng của anh H. Sau đó, D liên lạc với anh H hỏi mua 03 con chim và hẹn 10 giờ 00 ngày 27/5/2018 anh H đem 03 con chim Ưng đến đường Lê Văn Lương, Quận K để xem.

Khoảng 10 giờ ngày 27/5/2018, P và D đến đường Lê Văn Lương, Quận K chờ anh H đem 03 con chim đến. Trong lúc chờ, thì D và P nảy sinh ý định chiếm đoạt 03 con chim của anh H, vì lúc trước giữa anh H và P có mâu thuẫn về việc mua bán chim. Khi mang chim đến trước nhà số 205 Lê Văn Lương, phường T, Quận M, thì D từ bên kia đường qua gặp anh H, anh H đưa 03 con chim Ưng đựng trong hộp giấy cho D xem. Xem xong, D điện thoại cho P nói đúng là chim Ưng, nên P từ bên đường đi qua và dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt anh H, rồi cùng với D lấy chim lên xe gắn máy tẩu thoát. Lúc này, anh H đuổi theo nắm được tay của P, nhưng P gạt tay ra điều khiển xe tẩu thoát. Bình xịt hơi cay P đã vứt xuống sông ở N M.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận M, D và P thừa nhận hành vi của mình.

Theo kết luận giám định tài sản số 192/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận M, kết luận: 03 con chim Ưng, tính đến thời điểm bị xâm phạm có giá trị là 4.000.000 (Bốn triệu đồng).

Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại hiệu Samsung, màu vàng, số Imei 353421087227119; 01 (một) điện thoại hiệu Mobistar.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh NN H không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 149/CT-VKS ngày 07/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản theo Điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2019/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

- Tuyên bố bị cáo N T P phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 168; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt N T P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên án đối với đồng phạm trong vụ án, về việc xử lý vật chứng, xử lý tài sản do phạm tội mà có; về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 01 năm 2019, bị cáo N T P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xử bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là quá nặng và oan đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N T P xin thay đổi một phần nội dung kháng cáo, chỉ xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo không có dùng công cụ phạm tội là bình xịt hơi cay mà chỉ là một chai nước hoa nhật được trên đường chứ không kê oan như nội dung đơn kháng cáo trước đây, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N T P, đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo N T P phạm tội “Cướp tài sản” theo các điểm d khoản 2 Điều 168; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, toàn bộ lời khai của bị cáo, của những người làm chứng trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đều xác định bị cáo P đã dùng bình xịt hơi cay chứ không phải là chai nước hoa như bị cáo khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp dùng công cụ phạm tội được qui định thuộc nhóm công cụ nguy hiểm, do vậy việc bị cáo đã bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử theo điểm d, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, theo khung hình phạt này thì mức án được qui định là từ 07 (bảy) năm đến 15 (mười lăm) năm tù nhưng do bị cáo khi phạm tội là người dưới 18 tuổi và đã được áp dụng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ khác nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo P mức án 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù là đúng người, đúng tội, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay bị cáo xác định Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đã ép cung bị cáo, bị cáo không có sử dụng bình xịt hơi cay là công cụ phạm tội mà chỉ sử dụng chai nước hoa để xịt bị hại nhưng không có

chứng cứ gì chứng minh, cho thấy bị cáo P đã không có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo,

Về kháng cáo của bị cáo N T P: Đơn kháng cáo của bị cáo P làm trong thời hạn luật định là hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Bị cáo P xin được giảm nhẹ hình phạt, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt đối với bị cáo P là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo P, tuyên y án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét “phương tiện công cụ phạm tội” đối với bị cáo vì nếu thật sự bị cáo chỉ sử dụng bình xịt nước hoa thì mức độ nguy hiểm khác nhau và việc truy tố xét xử sẽ khác nhau, tuy việc khai nhận này của bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh nhưng thái độ của bị cáo là thành khẩn chứ không phải là không thành khẩn như đại diện Viện kiểm sát đã quy kết; Bị cáo xuất thân trong gia đình lao động nghèo, cha mẹ bị cáo đã ly hôn nên bị cáo thiếu sự quan tâm, chăm sóc, suy nghĩ còn hạn chế, phạm tội khi chưa thành niên; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, thiệt hại không lớn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình điều tra, xét xử cấp sơ thẩm, toàn bộ lời khai của bị cáo, của đồng phạm và những người làm chứng đều đã xác định bị cáo đã sử dụng công cụ là bình xịt hơi cay- thuộc nhóm công cụ được pháp luật qui định là “công cụ nguy hiểm” (Kiểm sát viên công bố những biên bản ghi lời khai), Do vậy cấp sơ thẩm truy tố xét xử bị cáo và đồng phạm theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, việc bị cáo P cho rằng bị cáo đã sử dụng bình xịt nước hoa và bị ép cung tại cơ quan điều tra không có chứng cứ gì chứng minh, cho thấy bị cáo chưa có thái độ thành khẩn và ăn năn hối cải.

Luật sư: Chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét lại phương tiện công cụ phạm tội đối với bị cáo (tuy không có chứng cứ gì chứng minh) và cân nhắc khi lượng hình để tuyên xử mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không bào chữa bổ sung, không tham gia tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo N T P làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tội danh:

Vào khoảng 10 giờ ngày 27/5/2018, P và D đến đường Lê Văn Lương, Quận P chờ anh H đem 03 con chim đến. Trong lúc chờ, thì D và P nảy sinh ý định chiếm đoạt 03 con chim, vì lúc trước giữa anh H và P có mâu thuẫn về việc mua bán chim, khi mang chim đến trước nhà số 205 Lê Văn Lương, phường T, Quận P, thì D từ bên kia đường qua gặp anh H, anh H đưa 03 con chim Ứng đựng trong hộp giấy cho P xem. Xem xong, D điện thoại cho P nói đúng là chim Ứng, nên P từ bên đường đi qua và dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt của anh H, rồi cùng với D lấy chim lên xe gắn máy tẩu thoát. Lúc này, anh H đuổi theo nắm được tay của P, nhưng P gạt tay ra điều khiển xe tẩu thoát. Bình xịt hơi cay Phong đã vứt xuống sông ở N B.

Hành vi của bị cáo N T P và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an chung.

Bị cáo N T P và đồng phạm đã phạm tội với động cơ, mục đích là chiếm đoạt tài sản; bị cáo P đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do đó, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bị cáo N T P phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định các điểm d, khoản 2 Điều 168; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận đã bị ép cung, bị cáo không sử dụng phương tiện phạm tội như cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào để Hội đồng xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo như nội dung kháng cáo của bị cáo.

[2] Về hình phạt:

Trong vụ án này, bị cáo N T P là người trực tiếp sử dụng bình xịt hơi cay đe dọa người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo N T P là rất nghiêm trọng nên cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N T P: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy với tất cả các chứng cứ, tài liệu, lời khai của bị cáo, những bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo thì mức án 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Do đó, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa .

[3] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo N T P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo N T P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 344, Điều 345, Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N T P, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Tuyên bố bị cáo N T P phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Áp dụng các điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt N T P 03 (ba) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N T P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận M, Tp. HCM;
- TAND Quận M, Tp. HCM;
- CA Quận M, Tp. HCM;
- Sở tư pháp;
- UBND xã N, huyện NB, Tp. HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Người bị hại;
- Lưu: VP, HS (TC 30)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

